

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/06/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		GTCl+BK16+P10	7:25	10+6+6	0+0+0		7+6+7	0+0+0	
2		CTK3+SAVR+RC4	7:25	19+3+0	0+0+0		13+6+3	0+0+0	
3		PPD+BK20+CTK3	7:25	8+0+13	0+0+0		6+2+13	0+0+0	chuyen 1 bk20- ctk3
4		AMD+P2+BK5	9:25	18+2+0	0+0+0		9+1+2	0+0+0	
5		BK16+BK8+PPD	9:25	4+0+15	0+0+0		1+2+17	0+0+0	chuyen 3 bk16- ppdchuyen 1 bk8-ppd
6		P9+P11+RP2	9:25	22+0	0+0		6+8	0+0	
7		T.UNG	12:25	16	0		13	0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

# FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/06/2025	TO: GTC1 - BK16 - P10	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VIỆT - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 09:20
XANH-1			

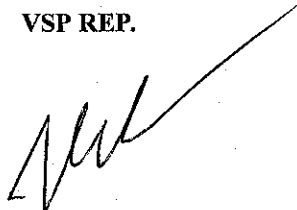
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG XUÂN HIỆU	GTC1	57-58	2	11			62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	60	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HIỆU TRUNG	GTC1	61-62	2	9			80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG TRẦN KHÁNH	GTC1	56	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN VIỆT ĐÔNG	GTC1	63	1	11	5	59	77	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TÙNG	GTC1	64	1	11			79	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT LỘC	GTC1	67-69	3	19			58	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN MINH TÂM	GTC1	65-66	2	18	2	32	68	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC HÙNG	GTC1	70	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ QUANG HÀ	GTC1	59	1	5			83	PSV	Vietnamese
11	LUU VĂN SƠN	BK16	33	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
12	NOVIKOV A.IU	BK16	36	1	2			97	ANTOAN	Russian
13	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	34	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT TIẾN	BK16	08	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH CHIÊN	BK16	35	1	4			75	PSV	Vietnamese
16	VŨ NGỌC THAI SƠN	P10	56	1	14	2	25	77	CODIEN	Vietnamese
17	HỒ NGỌC THANH	P10	52-53	2	15	1	11	57	PSV	Vietnamese
18	TRẦN TUẤN ANH	P10	51	1	7			75	PSV	Vietnamese
19	PHẠM THANH HÙNG	P10	50	1	4			64	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THOẠI	P10	54	1	5			59	PSV	Vietnamese
21	TRẦN QUANG HUY	P10	55	1	5			89	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

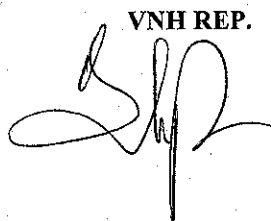
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	GTC1	10	722	15	112	7	91	7		
2	BK16	5	389	5	24	0	0	6		
3	P10	6	421	7	50	3	36	7		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.532</b>	<b>27</b>	<b>186</b>	<b>10</b>	<b>127</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.532</b>		<b>186</b>		<b>127</b>			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/06/2025	TO: CTK3 - SAVR - RC4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: DUONG - NPHU - MQUAN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM MINH TUAN	CTK3	31-32	2	11			77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM THANH HAI (10749)	CTK3	40	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3	33	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH DUC	CTK3	48	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
5	LE MINH HIEU	CTK3	43-44	2	15			74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	39	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	34	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN BAO	CTK3	30	1	8			65	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYEN THANH VUONG	CTK3	41-42	2	9			101	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LAM	CTK3	59	1	14			93	ANTOAN	Vietnamese
11	CU XUAN HUY	CTK3	36	1	8			64	HVJOC	Vietnamese
12	TÔ TRỌNG TUAN	CTK3	37	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NAM HAI	CTK3	28	1	8			84	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEU	CTK3	27	1	5	1	19	73	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN MANH HUNG	CTK3	45-46	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM CONG UOC	CTK3	34	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN TRUNG KIEN	CTK3						71	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI NGOC NAM	CTK3	47	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN NAM (KS)	SAVR	68	1	17			77	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NAM ( CN)	SAVR	66-67	2	21			65	DVL	Vietnamese
21	VU VAN TRUNG	SAVR	69	1	20	1	19	77	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	18	1.377	21	133	1	19	13		
2	SAVR	3	219	4	58	1	19	6		
3	RC4	0	0	0	0	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.596</b>	<b>25</b>	<b>191</b>	<b>2</b>	<b>38</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.596</b>		<b>191</b>		<b>38</b>			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/06/2025	TO: PPD - BK20 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CUONG - QTRUONG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN VAN THANG	PPD	67	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN QUY	PPD	60-61	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN GIANG	PPD	63	1	3			55	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NHAT QUANG	PPD	59	1	2			74	KH-THAC	Vietnamese
5	DO TRUNG KIEN	PPD	64-65	2	11			68	YTE	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC DU	PPD	62	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
7	PHI DUY HOAN	PPD	66	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM NGOC HAI	PPD	58	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
9	TONG TIEN QUANG	CTK3	94-95	2	15			70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG MAN	CTK3	500	1	4			54	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI THANH HOAT	CTK3	88	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN DUC BAU	CTK3	93	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI TRONG HOI	CTK3	92	1	20			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH TUAN	CTK3	98	1	4	1	18	73	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN DIEM	CTK3	96	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN TRUNG THANH	CTK3	99	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
17	DINH DUC TRUNG	CTK3	87	1	10			89	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET LONG	CTK3	89	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VAN HOI	CTK3	01-02	2	16			52	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN VAN TOAN	CTK3	90-91	2	17			72	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VIET PHONG LUU	CTK3	97	1	15			91	XAYLAP	Vietnamese
22	BUI CONG THANG	CTK3	38	1	8			61	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	8	553	10	50	0	0	5		
2	BK20	0	0	0	0	3	50	2	1	CHUYEN 01 PAX BK20 SANG CTK3
3	CTK3	14	980	17	147	1	18	13		
TOTAL		22	1.533	27	197	4	68	20		
WEIGHT KG			1.533		197		68			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/06/2025	TO: AMD - P2 - BK5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VIỆT - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN SONG HAO	AMD	15-16	2	14			69	ESTEC	Vietnamese
2	MANG CHAU TRIEU	AMD	13-14	2	13			81	ESTEC	Vietnamese
3	DINH THANH QUANG	AMD	21-22	2	11			73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN KHANH ANH DUY	AMD	08-09	2	20			103	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO ĐỨC THỊNH	AMD	97	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH HÙNG	AMD	96	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	95	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯỜNG LÊ ANH DŨNG	AMD	98-99	2	16			93	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	100	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
10	TANG VĂN BA	AMD	02	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THUY	AMD	05	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM XUAN QUY	AMD	11	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG PHAT	AMD	03-04	2	14			77	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VIET HANH	AMD	12	1	8			45	CODIEN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐÌNH	AMD	01	1	11	4	63	76	CODIEN	Vietnamese
16	LEU VINH AN	AMD	06-07	2	14			60	CODIEN	Vietnamese
17	BUI QUANG HANH	AMD	10	1	9			59	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN LÂM THANG	AMD	800	1	3			85	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN CONG	P2	09	1	5	6	100	56	PSV	Vietnamese
20	BUI LONG HUNG	P2	08	1	5			71	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	18	1.315	25	177	4	63	10		
2	P2	2	127	2	10	6	100	2		
3	BK5	0	0	0	0	1	4	2		
TOTAL		20	1.442	27	187	11	167	14		
WEIGHT KG			1.442		187		167			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/06/2025	TO: BK16 - BK8 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - MQUÂN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN TUẤN ANH	BK16	37-38	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI CÔNG THANH	BK16	41-42	2	15			81	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN NGỌC TUẤN ANH	BK16	43	1	17	5	70	78	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH NGÂN	BK16	39	1	10			68	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM VAN HA	BK16	40	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ ANH TUẤN	PPD	78	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	74	1	7			48	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG TUẤN HUNG	PPD	82	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
9	KLY	PPD	70	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN KHÁC LAM	PPD	80	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TÂN	PPD	79	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PPD	83	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	81	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	73	1	7			88	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯƠNG GIA TRI	PPD	77	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC ĐỨC THĂNG	PPD	74	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN KHÁC THE	PPD	84	1	8			55	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VĂN QUANG	PPD	63	1	6			60	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC CUÔNG	PPD	71-72	2	15	5	90	72	KHI	Vietnamese
20	HOANG XUÂN ĐÔNG	PPD	76	1	6			61	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH NAM	PPD	68	1	4			86	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK16	5	367	7	59	5	70	1	+3	CHUYEN 3 PAX BK16-PPD
2	BK8	0	0	0	0	0	0	2	+1	CHUYEN 1 PAX BK8-PPD
3	PPD	16	1.104	17	91	5	90	18		
TOTAL		21	1.471	24	150	10	160	21		
WEIGHT KG			1.471		150		160			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/06/2025	TO: P9 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CUONG - QTRUONG	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU NGOC TU	P9	38	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN DUC SON	P9	35-36	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
3	DINH VAN TAM	P9	37	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
4	TA HONG QUAN	P9	34	1	14			68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUONG SINH	P9	55	1	8			72	DVL	Vietnamese
6	PHAM HAI LONG	P9	43	1	17			78	DVL	Vietnamese
7	DAO ANH HUYNH	P9	41-42	2	20			68	DVL	Vietnamese
8	PHAM VAN SANG	P9	59-60	2	16			68	DVL	Vietnamese
9	VO CHI THANH	P9	44-45	2	20			75	DVL	Vietnamese
10	PHAN TRUONG GIANG	P9	29-31	3	20			75	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG DAI	P9	32-33	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN KHOA	P9	39-40	2	22			68	XAYLAP	Vietnamese
13	LE HOANG SON	P9	49	1	13			77	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN THE LONG	P9	48	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN DUC DOAI	P9	56	1	10			63	XAYLAP	Vietnamese
16	BIEN VAN THIEN	P9	57-58	2	21			83	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN CAO KHANH	P9	46-47	2	15			82	XAYLAP	Vietnamese
18	DAO VAN KHOA	P9	52	1	7			60	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN NANG	P9	54	1	7			75	PSV	Vietnamese
20	LE VAN VIET	P9	53	1	4			79	PSV	Vietnamese
21	HO TRONG TAN	P9	50	1	5			86	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC TUAN	P9	51	1	9			74	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAXW	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	W				
1	P9	22	1.604	32	291	0	0	7	
2	RP2	0	0	0	0	0	0	8	
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.604</b>	<b>32</b>	<b>291</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.604</b>		<b>291</b>		<b>0</b>		

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/06/2025	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: MTIÊN - XTRƯỜNG	ETA: 15:50
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN NGU	T.UNG	53	1	12			67	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC QUANG	T.UNG	38-39	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN KHÁNH	T.UNG	41-42	2	18			73	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐIỀU VĂN THÔNG	T.UNG	45-46	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ XUÂN HIÊN	T.UNG	43-44	2	16			60	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC THAI	T.UNG	55-56	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN PHÚC SANG	T.UNG	50-51	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH HẠNH	T.UNG	36-37	2	19			78	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	T.UNG	49	1	12			81	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ XUÂN TUNG	T.UNG	35	1	20			80	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM CÔNG NGHIỆP	T.UNG	34	1	10			63	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG VĂN MẠNH	T.UNG	54	1	12			70	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ BANG	T.UNG	32-33	2	17			57	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN DŨNG	T.UNG	47-48	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CHU	T.UNG	40	1	12			64	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐÌNH ĐỨC VƯƠNG	T.UNG	52	1	15			75	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	16	1.109	25	259	0	0	13		
	<b>TOTAL</b>	<b>16</b>	<b>1.109</b>	<b>25</b>	<b>259</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>		<b>1.109</b>		<b>259</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.368 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN